

Bản án số: 65/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 29-9-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Bà Phan Thị Khánh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-8-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2023/QĐST - HNGĐ ngày 13-9-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Quang D, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số H đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Bà Từ Thị T, sinh năm 1983, nơi cư trú cuối cùng: Số D đường L, tổ I, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Bùi Quang D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 23/8/2007, ông và bà Từ Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96, quyển số 01/2007. Chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, khoảng tháng 7/2012 chị T về cha mẹ đẻ và sau đó bỏ nhà ra đi biệt tích cho đến nay không rõ lý do. Ngày 09/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên bố bà Từ

Thị T mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2018/QĐDS-ST. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là cháu Bùi Quang M, sinh ngày 05/5/2007 và cháu Bùi Nhã K, sinh ngày 21/02/2011. Hai con hiện đang do ông nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi 2 con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn bà Từ Thị T đã bị T1 tuyên bố mất tích nên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: ông D được ly hôn với bà T; về con chung: Giao 02 con chung là cháu Bùi Quang M, sinh ngày 05/5/2007 và cháu Bùi Nhã K, sinh ngày 21/02/2011 cho ông Bùi Quang D trực tiếp nuôi, ông D không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Ông D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Bùi Quang D và bà Từ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23/8/2007, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn

nên bà T bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2012 đến nay không về. Theo Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 09/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên bố mất tích đối với bà Từ Thị T, sinh năm 1983, nơi cư trú cuối cùng: Tổ I, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, để bà T thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Tuy nhiên, vì bà T đã mất tích, không có tin tức xác thực đã trở về hay còn sống và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông D. Qua xác minh tại Công an phường N, thành phố Q ngày 07/8/2023 thì bà Từ Thị T từ năm 2012 đi khỏi địa phương và hiện tại không có mặt tại địa phương. Như vậy, thực tế ông D và bà T không chung sống với nhau, mục đích của hôn nhân của ông D và bà T không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của ông D xin ly hôn bà T là phù hợp qui định tại Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Bùi Quang M, sinh ngày 05/5/2007 và cháu Bùi Nhã K, sinh ngày 21/02/2011. Hai con hiện đang do ông D nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông D yêu cầu được nuôi 2 con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi bà T bỏ nhà đi đến nay, hai cháu đều do ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, hai cháu M và K có nguyện vọng ở với ông D. Do đó, giao hai cháu cho ông D trực tiếp nuôi là phù hợp. Ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông D trình bày ông và bà T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quang D được ly hôn bà Từ Thị T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Bùi Quang M, sinh ngày 05/5/2007 và cháu Bùi Nhã K, sinh ngày 21/02/2011 cho ông Bùi Quang D trực tiếp nuôi. Ông Bùi Quang D không yêu cầu bà Từ Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Quang D trình bày không có nợ chung, không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Quang D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006254 ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường Chánh Lộ, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Như